

PHỤ LỤC:
DANH MỤC, GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐƯỢC SỬA CHỮA, NÂNG CẤP BẰNG NGUỒN
KINH PHÍ BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 1015 /QĐ-UBND ngày 04 / 06 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

ST T	Tên công trình	Tổng kinh phí quyết toán/Giá trị công trình	Nguồn kinh phí (đồng)	
			Bảo trì TSKCHT thuỷ lợi năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Bảo trì TSKCHT thuỷ lợi năm 2025
1	2	3=(4+5)	4	5
I	Công trình có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên	18.156.426.000	0	18.156.426.000
1	Sửa chữa mương đập dâng Phai Rằm xã Bắc Sơn	597.024.000		597.024.000
2	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi Phai Hoá - Phai Giáp, xã Nhất Hoà	894.451.000		894.451.000
3	Sửa chữa mương hồ Tam Hoa, xã Hưng Vũ	546.319.000		546.319.000
4	Sửa chữa mương, đường ống trạm bơm thủy luân Đăng Mò, xã Bình Gia	694.002.000		694.002.000
5	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Rọ Bẫy, xã Tân Văn	774.931.000		774.931.000
6	Sửa chữa mương Vằng Kheo, xã Lâm Sơn	576.918.000		576.918.000
7	Sửa chữa mương trạm bơm Quán Bàu 1, xã Chi Lăng	539.432.000		539.432.000
8	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng An Đình, xã Tân Liên	845.488.000		845.488.000
9	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi huyện Đình Lập, xã Châu Sơn - Đình Lập - Thái Bình	740.471.000		740.471.000
10	Sửa chữa mương KC hồ Chiến Thắng, thôn Làng Quặng, xã Đồng Tiến	695.566.000		695.566.000
11	Sửa chữa mương đập Mương Cái, xã Hữu Liên	690.852.000		690.852.000
12	Sửa chữa cầu máng, mương trạm bơm Thác Bền, xã Vân Nham	835.919.000		835.919.000
13	Sửa chữa hệ thống công trình Đồng Thia - Tam Quan, xã Quyết Thắng - Thiện Tân	696.273.000		696.273.000
14	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi xã Yên Khoái, xã Mẫu Sơn	695.574.000		695.574.000
15	Sửa chữa tràn xả lũ, hệ thống mương hồ Thâm Seo, xã Mẫu Sơn	795.710.000		795.710.000
16	Sửa chữa hệ thống công trình đầu mối hồ Tà Keo, xã Lợi Bắc	795.940.000		795.940.000
17	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Pò Luông, phường Đông Kinh	513.086.000		513.086.000

ST T	Tên công trình	Tổng kinh phí quyết toán/Giá trị công trình	Nguồn kinh phí (đồng)	
			Bảo trì TSKCHT thuỷ lợi năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Bảo trì TSKCHT thuỷ lợi năm 2025
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=(4+5)</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
18	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Bó Diêm, phường Tam Thanh	544.732.000		544.732.000
19	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Nậm Ăn, thị trấn Thất Khê	590.256.000		590.256.000
20	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Khuổi Sao, xã Chi Lăng, huyện Trảng Định	722.469.000		722.469.000
21	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Khuổi Mít, xã Đề Thám	646.077.000		646.077.000
22	Sửa chữa đập, mương Nà Tao, xã Hội Hoan	695.724.000		695.724.000
23	Sửa chữa hệ thống công trình đập dâng xã Bắc Hùng	646.024.000		646.024.000
24	Sửa chữa đập, mương Bản Kìa, xã Hội Hoan	695.650.000		695.650.000
25	Sửa chữa hệ thống công trình đập dâng Nà Bánh, xã Bình Phúc	596.603.000		596.603.000
26	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Tằng Bản, xã An Sơn	546.846.000		546.846.000
27	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Bản Nằng, xã Tân Đoàn - xã Yên Phúc	544.089.000		544.089.000
II	Công trình có giá trị dưới 500 triệu đồng	1.876.311.000	235.807.000	1.640.504.000
28	Sửa chữa hệ thống mương trạm bơm điện Thống Lệnh, phường Kỳ Lừa	477.271.000		477.271.000
29	Sửa chữa hệ thống mương hồ Khuổi Chủ, xã Cao Lộc	447.394.000		447.394.000
30	Sửa chữa mương KC hồ Bản Cườm, xã Thạch Đạn	368.129.000		368.129.000
31	Sửa chữa mương hồ Tà Keo, xã Lợi Bác	347.710.000		347.710.000
32	Sửa chữa mương hồ Rọ Hoạt, xã Bình Gia	235.807.000	235.807.000	
	TỔNG CỘNG (I+II)	20.032.737.000	235.807.000	19.796.930.000

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
SỬA CHỮA, BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1015 /QĐ-UBND ngày 04 / 06 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

ST T	Tên công trình	Diện tích tưới (ha)	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện					
				Tổng chiều dài SC (m)	Đất đào (m3)	Đất đắp (m3)	Thép (kg)	Bê tông (m3)	Gạch, đá xây (m3)
I	Công trình có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên	1.431,36		8.278,03	6.225,64	4.018,91	35.880,82	3.081,25	106,43
1	Sửa chữa mương đập dâng Phai Rằm, xã Bắc Sơn	90,94	Sửa chữa, kiên cố mương BxH=(50x60)cm, L=320m	320	61,9	145,4	177,3	110,256	
2	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi Phai Hoá - Phai Giáp, xã Nhất Hoà	77,20	Sửa chữa, kiên cố mương BxH=(80x100)cm, L=277m	277	279,38	290,335	268,6121	135,8856	
3	Sửa chữa mương hồ Tam Hoa, xã Hưng Vũ	146,29	Sửa chữa, kiên cố mương BxH=(60x60)cm, L=384,9m	384,9	67,4	61,4	293,67	105,18	
4	Sửa chữa mương, đường ống trạm bơm thủy luân Đặng Mò, xã Bình Gia	6,95	Sửa chữa tuyến đường ống, mương chính KC với tổng chiều dài 508m và tuyến mương nhánh N1 với chiều dài 39,7m	547,7	133,7	120,81	896,63	61,48	
5	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Rọ Bẫy, xã Tân Vân	4,08	Sửa chữa đập đất, chiều dài đập 36,7m; tràn xả lũ, chiều dài tràn 48m.	84,7	471,16	311,2	126,61	152,77	
6	Sửa chữa mương Vằng Kheo, xã Lâm Sơn	3,00	Sửa chữa, nâng cấp mương BxH=(30x40)cm, L=458m	458	185,0455	108,461	996,81	80,308	
7	Sửa chữa mương trạm bơm Quán Bàu 1, xã Chi Lãng	15,00	Sửa chữa, nâng cấp bể xả trạm bơm, mương xây cũ với tổng chiều dài tuyến là L=387,5m	387,5	29,945	74,7641	868,32	105,472	
8	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng An Dinh, xã Tân Liên	56,00	Sửa chữa, nâng cấp đoạn mương KC BxH=(60x90)cm, L=318	318	360,2	206,35	941,01	142,23	
9	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi huyện Đình Lập, xã Châu Sơn - Đình Lập - Thái Bình	89,00	Sửa chữa hệ thống công trình đầu mối và mương cũ, chiều dài L=342m.	342	185,98	120,37	1367,855	93,73	
10	Sửa chữa mương KC hồ Chiến Thắng, thôn Làng Quặng, xã Đồng Tiến	200,00	Sửa chữa, nâng cấp đoạn mương KC BxH=(80x80)cm	290,5	280,825	240,88	675,86	114,671	
11	Sửa chữa mương đập Mương Cái, xã Hữu Liên	114,00	Sửa chữa, nâng cấp mương BxH=(40x60)cm, L=450m	450	110,134	146,49	409,37	113,85	
12	Sửa chữa cầu máng, mương trạm bơm Thác Bèn, xã Vân Nham	40,00	Sửa chữa kiên cố mương với tổng chiều dài L=283m.	283	199,17	120,38	3907,89	89,393	

ST T	Tên công trình	Diện tích tưới (ha)	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện					
				Tổng chiều dài SC (m)	Đất đào (m3)	Đất đắp (m3)	Thép (kg)	Bê tông (m3)	Gạch, đá xây (m3)
13	Sửa chữa hệ thống công trình Đồng Thia - Tam Quan, xã Quyết Thắng - Thiện Tân	73,40	Sửa chữa đập tràn, mương KC với tổng chiều dài L=305,7m	305,7	423,194	126,105	2040,2981	86,869	
14	Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi xã Yên Khoái, xã Mẫu Sơn	68,00	Sửa chữa đập tràn, mương với tổng chiều dài L=227,15m	227,15	323,54	102,57	1606,62	110,1	
15	Sửa chữa tràn xả lũ, hệ thống mương hồ Thâm Seo, xã Mẫu Sơn	5,40	Sửa chữa, kiên cố tràn xả lũ, mương KC với tổng chiều dài L=92m	92	477,38	131,63	11100,41	137,77	
16	Sửa chữa hệ thống công trình đầu mối hồ Tà Keo, xã Lợi Bắc		Sửa chữa, kiên cố mặt đập, tổng chiều dài 199m	199	141,945	59,68		252,3	
17	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Pò Luông, phường Đông Kinh	44,80	Sửa chữa đập đất, chiều dài đập 38m và cống lấy nước	38	618,52	587,45	213,03	138,29	
18	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Bó Diêm, phường Tam Thanh	79,80	Kiên cố tràn xả lũ chiều dài L=39,38m; Mương thoát nước sườn đôi chiều dài L=58m	97,38	187,98	117,83	190	140,81	
19	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Nặm Ăn, thị trấn Thất Khê	30,00	Sửa chữa, nâng cấp đoạn mương BxH=(60x60)cm, L=292m; BxH=(30x40)cm, L=194m	486	159,57	151,97	336,1	119,55	
20	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Khuổi Sao, xã Chi Lăng, huyện Trảng Định	40,00	Sửa chữa, nâng cấp đoạn mương BxH=(60x80)cm, L=244m; BxH=(80x80)cm, L=88m	332	221,655	225,41	270,2	135,18	
21	Sửa chữa hệ thống mương đập dâng Khuổi Mít, xã Đề Thám	30,00	Sửa chữa, nâng cấp đoạn mương BxH=(30x40)cm và BxH=(30x50)cm với tổng chiều dài L=656,5m	656,5	138,105	90,57	1345,99	118,977	
22	Sửa chữa đập, mương Nà Tao, xã Hội Hoan	60,00	Sửa chữa đập tràn và tường cánh; Kiên cố mương với tổng chiều dài L=393,5m	393,5	392,402	119,4	1565,94	90,188	
23	Sửa chữa hệ thống công trình đập dâng xã Bắc Hùng	25,00	Cải tạo, sửa chữa kiên cố đập dâng; Sửa chữa, kiên cố đoạn mương với tổng chiều dài L=173m	173	250,93	79,35	734,68	98,8	
24	Sửa chữa đập, mương Bản Kì, xã Hội Hoan	21,00	Xây dựng đầu cống lấy nước; Kiên cố mương BxH=(30x40)cm, BxH=(40x40)cm với tổng chiều dài L=610,5m	610,5	235,32	107,94	753,8	107,66	
25	Sửa chữa hệ thống công trình đập dâng Nà Bảnh, xã Bình Phúc	9,00	Sửa chữa đập dâng với tổng chiều dài L=70,4m	70,4	145,495	27,351	3843,89	105,91	
26	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Tạng Bản, xã An Sơn	18,90	Kiên cố tràn xả lũ với tổng chiều dài L=11,6m	11,6	57,81	102,37		89,784	106,425

ST T	Tên công trình	Diện tích tưới (ha)	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện					
				Tổng chiều dài SC (m)	Đất đào (m3)	Đất đắp (m3)	Thép (kg)	Bê tông (m3)	Gạch, đá xây (m3)
27	Sửa chữa hệ thống công trình hồ Bán Nắng, xã Tân Đoàn - xã Yên Phúc	83,60	Kiên cố mương BxH=(30x40)cm với tổng chiều dài L=442m	442	86,95	42,446	949,92	43,84	
II	Công trình có giá trị dưới 500 triệu đồng	105,00		865,00	682,32	378,86	4.878,51	214,42	-
28	Sửa chữa hệ thống mương trạm bơm điện Thống Lệnh, phường Kỳ Lừa	10,00	Sửa chữa, kiên cố mương, cầu máng với tổng chiều dài L=133m	133	55,59	55,56	1621,43	34,86	
29	Sửa chữa hệ thống mương hồ Khuổi Chủ, xã Cao Lộc	35,00	Sửa chữa, kiên cố mương BxH=(40x60)cm với tổng chiều dài L=224m	224	230,02	101,44	785,7	62,93	
30	Sửa chữa mương KC hồ Bán Cườm, xã Thạch Đạn	25,00	Sửa chữa, nâng cấp mương BxH=(40x60)cm với tổng chiều dài L=226m	226	136,51	62,64	262,26	52,12	
31	Sửa chữa mương hồ Tà Keo, xã Lợi Bắc	30,00	Sửa chữa mương với tổng chiều dài L=121m	121	103,11	57,05	1869,3	31,83	
32	Sửa chữa mương hồ Rọ Hoạt, xã Bình Gia	5,00	Sửa chữa nâng cấp mương BxH=(30x50)cm, BxH=(30x40)cm với tổng chiều dài L=121m	161	157,09	102,166	339,82	32,68	
	TỔNG CỘNG (I+II)	1.536,36		9.143,03	6.907,96	4.397,77	40.759,33	3.295,67	106,425